UNIT 1 LOCAL COMMUNITY

Chào bạn, để giúp giáo viên dễ dàng kiểm tra và đánh giá chính xác cách phát âm của học sinh (đặc biệt là 3 nguyên âm cốt lõi /æ/, /ɑ:/, và /e/ cùng ngữ điệu, nối âm trong Unit 1: *Local Community*), dưới đây là các bài mẫu nói (Speaking Scripts) được thiết kế chi tiết.

Mỗi bài mẫu đều đi kèm **hướng dẫn chấm phát âm** để bạn biết cần chú ý nghe những âm nào nhé.

📑 BÀI MẪU 1: ĐOẠN VĂN NGẮN (Đọc thành tiếng - Reading Aloud)

(Mục tiêu: Kiểm tra khả năng phát âm chính xác từng đơn vị âm độc lập và hiện tượng nối âm cơ bản)

🎯 Tiêu chí kiểm tra phát âm:

- **Âm /æ/ (Miệng mở rộng, lưỡi hạ thấp):** Kiểm tra xem có phát âm đúng âm này trong các từ facilities (/fəˈsɪl.ə.tiz/), artisan (/ˈɑ:.tɪ.zæn/), bamboo (/bæmˈbu:/), hay không. Học sinh Việt Nam hay nói nhầm thành âm /e/.
- **Âm /ɑ:/ (Âm mở rộng, kéo dài):** Kiểm tra trong các từ garbage (/ˈgɑ:.bɪdʒ/), craft (/krɑ:ft/), artisan (/ˈɑ:.tɪ.zæn/), basket (/ˈbɑ:.skɪt/).
- **Âm /e/ (Miệng mở vừa phải):** Kiểm tra trong từ yesterday (/ˈjes.tə.deɪ/).
- **Hiện tượng nối âm (Linking sounds):** Nghe xem học sinh có nối âm ở cụm taking care of (/ˈteɪ.kɪŋ keər əv/) và reminded me of (/rɪˈmaɪn.dɪd mi: jəv/) hay không.

Click to listen	Click to speak
facilities (/fəˈsɪl.ə.tiz/)	
artisan (/ˈɑ:.tɪ.zæn/)	
bamboo (/bæmˈbu:/)	
garbage (/ˈgɑ:.bɪdʒ/)	
craft (/krɑ:ft/)	
basket (/ˈbɑ:.skɪt/)	
yesterday (/ˈjes.tə.deɪ/).	
taking care of (/ˈteɪ.kɪŋ keər əv/)	

LIVEWORKSHEETS

reminded me of (/rɪˈmaɪn.dɪd miː jəv/)	

Đoạn văn mẫu cho học sinh:

Click to listen	Click to speak
"My **suburb** is a quiet place, but it has great **facilities**. Every morning, I see the **garbage** collector **taking care of** our streets. Yesterday, I went to a **pottery** craft village. An **artisan** showed me how to make a **bamboo** basket. It **reminded** me **of** the importance of preserving our traditional values."	

💬 BÀI MẪU 2: HỘI THOẠI ĐÔI (Role-play Dialogue)

(Mục tiêu: Kiểm tra phát âm trong giao tiếp tự nhiên, ngữ điệu câu hỏi và câu trần thuật)

🎯 Tiêu chí kiểm tra phát âm cho Giáo viên:

- **Ngữ điệu (Intonation):** * Câu hỏi *Yes/No* ("Is there any speciality I should try?") -> Giọng phải **lên giọng** ở cuối câu.
    - Câu hỏi có từ để hỏi *Wh-* ("Can you tell me where to go?") -> Giọng phải **xuống giọng** ở cuối câu.
- **Phát âm từ chìa khóa (Keywords):** Kiểm tra âm /e/ trong speciality (/ˌspeʃ.iˈæl.ə.ti/), bread (/bred/); âm /æ/ trong relax (/rɪˈlæks/), attraction (/əˈtræk.ʃən/); âm /ɑː/ trong park (/pɑːk/), market (/ˈmɑː.kɪt/).

Click to listen	Click to speak
Is there any speciality I should try?	
Can you tell me where to go?	
speciality (/ˌspeʃ.iˈæl.ə.ti/)	
bread (/bred/)	

LIVEWORKSHEETS

UNIT 1 LOCAL COMMUNITY

relax (/rɪˈlæks/)	
attraction (/əˈtræk.ʃən/)	
park (/pɑːk/)	
market (/ˈmɑː.kɪt/)	

Tình huống: Một học sinh đóng vai **Du khách (Visitor)** và một học sinh đóng vai **Cư dân địa phương (Local Resident)**.

Click to listen	Click to speak
Visitor: "Excuse me, I'm looking for a place **to relax**. Can you tell me **where to go**?"	
Local: "You should visit our local **park**. It's a famous **tourist attraction** here. It's very clean because the **garbage** collectors work very hard."	
Visitor: "Great! Is there any **speciality** I should try?"	
Local: "Yes, you must try the traditional **bread** near the **suburb** market. I **get on with** the baker there, she is very friendly."	
Visitor: "Thank you! I will **find out** how to get there."	

🎤 BÀI BÁO CÁO MẪU 3: THUYẾT TRÌNH NGẮN (Mini-Presentation)

(Mục tiêu: Kiểm tra phát âm ở mức độ trôi chảy, trọng âm của từ và trọng âm của câu khi nói liên tục)

🎯 Tiêu chí kiểm tra phát âm cho Giáo viên:

- **Trọng âm của từ (Word Stress):** Kiểm tra xem học sinh có nhấn đúng trọng âm của các từ 3 âm tiết trở lên không:
  - electrician -> Nhấn âm thứ 3 (/ɪˌlekˈtrɪʃ.ən/).

LIVEWORKSHEETS

- neighborhood -> Nhấn âm thứ 1 (/ˈneɪ.bə.hʊd/).
- important -> Nhấn âm thứ 2 (/ɪmˈpɔː.tənt/).

- **Trọng âm của câu (Sentence Stress):** Học sinh không được đọc đều đều như rô-bốt. Các từ mang thông tin quan trọng (danh từ, động từ chính, tính từ) như: favourite, helper, electrician, important, safe, admire cần được đọc **to hơn, rõ hơn và nhấn mạnh hơn** các trợ từ/giới từ.
- **Âm đuôi (Ending sounds):** Chú ý các âm /s/ hoặc /z/ ở các từ takes, wires, gets, makes. Học sinh Việt Nam rất hay bỏ quên âm đuôi khi nói một bài dài.

Chủ đề: My Favourite Community Helper (Người hỗ trợ cộng đồng tôi yêu quý)

Click to listen	Click to speak
"Today, I want to talk about my favourite community helper. He is an **electrician** in my neighborhood. His job is very important because he **takes care of** the electrical wires to keep us safe. He is a very active **person** and **gets on well with** everyone. Whenever we have a problem, he always knows **what to do**. I really admire him because his work makes our **suburb** a better place to live."	

THE END

LIVEWORKSHEETS